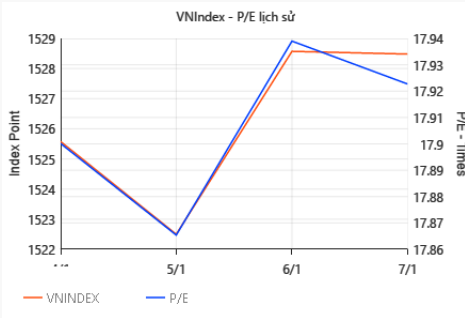




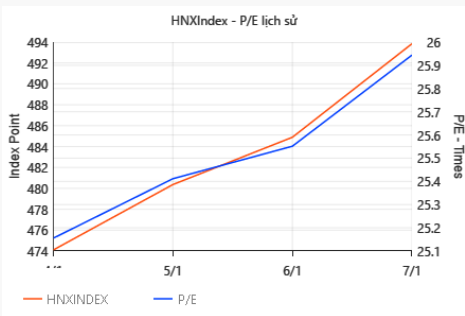
**Bộ phận Chiến lược đầu tư**

**VN-INDEX**



<b>Điểm số</b>	<b>1,528.48</b>
Tuần qua (WoW)	2.02%
Từ đầu năm (YTD)	2.02%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	20.16%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	28.59%
P/E	17.92
P/B	2.85

**HNX -INDEX**



<b>Điểm số</b>	<b>493.84</b>
Tuần qua (WoW)	4.19%
Từ đầu năm (YTD)	4.19%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	19.55%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	23.42%
P/E	25.94
P/B	2.78

**ƯU TIÊN GIẢM RỦI RO CHO DANH MỤC**

Mốc 1,500 đã được chinh phục ngay từ những ngày đầu năm mới khi dòng tiền vẫn vận động rất tích cực. Các Thông tin về gói kích thích kinh tế thông qua tài khoá và nỗ lực giảm lãi suất của NHTW có thể nói đã tạo tâm lý lạc quan giúp Việt Nam ngược dòng so với đà giảm của các thị trường cổ phiếu thế giới trong tuần qua.

Đi cùng với các gói kích thích kinh tế, có nhiều e ngại về khả năng xảy ra bong bóng trên thị trường chứng khoán và bất động sản khi 2 thị trường này hút nguồn vốn ra khỏi khu vực sản xuất. Quy mô gói kích thích kinh tế nhỏ hơn khá nhiều so với một số dự thảo ban đầu và việc thông tư siết hoạt động mua trái phiếu của Ngân hàng thương mại có hiệu lực vào ngày 15/1 tới đây là các động thái thể hiện rõ quan điểm này của các cơ quan quản lý. Do vậy, các kỳ vọng về đầu tư công và kích thích kinh tế nên được đánh giá lại ở mức hợp lý do mức độ hưởng lợi sẽ giảm đi so với kỳ vọng trước đây. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, khi kiểm soát được rủi ro hệ thống, loại bỏ nguy cơ bong bóng tài sản sẽ đảm bảo cho sự tăng trưởng và hồi phục trong dài hạn của doanh nghiệp và nền kinh tế.

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ**

**Danh mục Nắm giữ & Danh mục Giao dịch:** không có điều chỉnh trong tuần qua.

**CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH**

Thị trường tiếp tục tăng điểm với động lực chính là các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ, và một phần nào đó là các cổ phiếu vốn hóa lớn. Dù vậy thì cơ hội với nhóm vốn hóa vừa và nhỏ lúc này đã không còn bù đắp được cho rủi ro tiềm tàng. Về mặt tỷ trọng cổ phiếu nói chung, thận trọng vẫn là trạng thái nên được duy trì.

<i>Nội dung</i>	<i>Tr.</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tr.</i>
<i>Danh mục Khuyến nghị</i>	2	<i>News focus</i>	6
<i>Nhận định chiến lược</i>	3	<i>Factset</i>	6
<i>PTKT VN-Index</i>	5	<i>Lịch đầu tư tuần tới</i>	14

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**
**Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	11.1%	178.5%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.6%	15.6%	-	-
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	14.3%	-	13.8%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	13.0%	189.4%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	1.5%	-	29.8%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	-	5.7%	47.0%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	65.9%	100.0%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	123.8%	141.5%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	18.5%	85.0%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	45.1%	146.1%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	12.8%	-	126.0%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	47.1%	82.6%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%	-	60.6%	107.3%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	14.5%	84.1%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	15.1%	41.9%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	11.6%	-	28.0%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 - 28,000	46,000	21,900	1:3	-9.8%
TNG	24/08/21	25,460 - 26,850	35,180	24,000	1:3	34.5%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	5.6%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	22.5%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	45.0%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	20.1%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	127.9%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	193.8%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	30.5%
BID	28/05/21	36,400 - 38,400	51,600	33,600	1:3	2.1%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	91.5%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	36.7%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	50.9%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	11.1%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	90.4%
DIG*	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	341.5%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	37.6%
CEO*	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900	1:3	575.2%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	52.1%
TTF*	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	109.3%
VIC*	26/03/21	96,900-101,300	128,900	95,100	1:4.5	0.9%
VCB	18/03/21	74,530 - 76,250	97,000	72,700	1:6	4.7%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	45.0%
FCN	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	119.0%
PVD	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	23.7%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	219.3%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	28.7%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	50.2%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	75.5%
SAM*	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	139.7%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	79.3%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	46.2%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	37.6%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	124.2%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	177.1%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	337.0%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	259.0%

## NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Tuần đầu tiên đã kết thúc với mức tăng ấn tượng cả ở 2 sàn giao dịch. Vn-Index nhẹ nhàng vượt qua ngưỡng 1,500 với mức tăng khá hưng phấn khi mở đầu năm mới trong khi với sự dẫn dắt của một số cổ phiếu bất động sản vốn hoá tầm trung, HNX-Index có mức tăng gấp đôi so với VN-Index. Thanh khoản khớp lệnh tính bình quân theo phiên cũng tăng mạnh khoảng trên 20% trên cả 2 sàn.

Bộ 3 cổ phiếu Vingroup gồm VIC, VRE và VHM là đầu tàu đẩy thị trường trong tuần vừa qua bên cạnh GAS và BCM trong khi MSN và NVL cùng nhóm Ngân hàng là các trụ lấy điểm chính của thị trường trong tuần vừa qua.

Mặc dù vậy thì đà điều chỉnh mạnh của VN30 trong 2 ngày cuối tuần, lấy đi toàn bộ điểm tăng trong tuần là điều chúng ta cần chú ý khi đây có thể là dấu hiệu suy yếu.

Tại nhóm vốn hoá lớn, tiêu điểm thị trường là ở tin đồn về việc MSN mua VRE. Vận động của dòng tiền cho thấy thông tin này đã ảnh hưởng rất lớn vào giá khi bên mua MSN bị giảm mạnh trong khi bên được mua VRE có 3 phiên tăng trong đó 2 phiên trần.

Với đà tăng của giá dầu, GAS phục hồi từ đáy sau nhịp điều chỉnh sâu tại tháng 12 đi cùng với POW tăng mạnh vượt đỉnh giúp nhóm Tiện ích có mức tăng nổi bật trong tuần.

Có sự phân hoá khá rõ rệt trong nhóm Bất động sản (bao gồm cả các doanh nghiệp sản xuất có dự án Bất động sản) khi dòng tiền đang tập trung vào một số cổ phiếu có đà tăng nóng gồm CII, L14, NHA. Điểm đáng lưu ý là các doanh nghiệp xây dựng hạ tầng đi cùng với kỳ vọng đầu tư công như FCN, C4G vẫn duy trì đà tăng dù thông tin về gói kích thích không như kỳ vọng.

Khối ngoại vẫn duy trì đà bán ròng trong tuần qua, tập trung tại nhóm hàng tiêu dùng gồm MSN, VNM hoặc cổ phiếu tăng mạnh như CII. Dường như áp lực chốt lời của khối ngoại với mã tăng rất nóng là CEO đã tạm dừng lại. Ngược lại với khối ngoại, nhóm tự doanh tiếp tục duy trì đà mua ròng với giá trị khá lớn 792 tỷ đồng trong tuần, 2 ngân hàng top đầu là TCB và VPB có lực mua ròng đáng kể nhất.

## CHIẾN LƯỢC

Thị trường 2022 nhìn chung vẫn đang nằm trong tay của nhà đầu tư cá nhân khi tỷ trọng của nhóm này trong tuần đầu tiên vẫn đang chiếm gần 90% tổng giá trị giao dịch. Tâm lý sợ bỏ lỡ cơ hội, tâm lý bầy đàn của dòng tiền chính này đang tạo ra nhiều sóng tăng rất nóng tại một số cổ phiếu (có thể có hoặc không có yếu tố cơ bản hỗ trợ). Nhịp tăng điểm của nhiều cổ phiếu nóng liên tục nối dài và thu hút dòng tiền cả từ các cổ phiếu bluechip đang trong giai đoạn tích lũy.

Để kiểm soát bản thân tránh việc mua đuổi đem tới rủi ro lớn của danh mục, nhà đầu tư có thể nhớ tới một câu nói nổi tiếng “thị trường tăng nhờ sự lạc quan nhưng sẽ chết bởi sự thoả mãn” (John Templeton). Kể cả đối với các cổ phiếu có triển vọng thực sự tích cực, việc đà tăng giá cổ phiếu quá nhanh và mạnh trong ngắn hạn sẽ thu hút dòng tiền đầu cơ và khi dòng tiền này nhận được lợi nhuận cao trong thời gian ngắn, việc tiền đầu cơ rút ra gần như là chắc chắn. Cần kiên nhẫn chờ giai đoạn tích lũy để mua vào.

Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều cổ phiếu tại các nhóm ngành có triển vọng tốt đang trong giai đoạn tích lũy. Thông tin từ kết quả kinh doanh quý 4 sẽ là yếu tố sàng lọc quan trọng, trong đó chúng ta tìm kiếm các

doanh nghiệp hoặc duy trì tăng trưởng hoặc cho thấy sự hồi phục tốt nếu quý 3 bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch. Nhóm cổ phiếu với kỳ vọng vào giá trị tài sản mà chủ yếu là quỹ đất thì mức giá hiện tại đã phản ánh kỳ vọng của cả vài năm tới khi chúng ta thấy tiến độ triển khai dự án bán hàng trong các năm tới có thể vẫn đang không quá cao do ảnh hưởng của dịch bệnh.

## THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Trái ngược với đà giao dịch tích cực của thị trường Việt Nam khi bắt đầu 2022, các thị trường cổ phiếu trên thế giới nhìn chung là suy yếu. Lợi suất trái phiếu Mỹ kỳ hạn 10 năm tăng lên 1.79% từ mức 1.5%. Giá dầu tăng nhẹ về gần 80 USD/ thùng bất chấp thông báo tăng sản lượng từ OPEC.

Các thị trường mở cửa đầu năm không mấy tích cực do thái độ thắt chặt chính sách của FED càng ngày càng rõ ràng. Trong biên bản cuộc họp tháng 12, các thành viên đã thảo luận việc thu hẹp bảng cân đối với khoảng 8.3 ngàn tỷ đô la trái phiếu FED đang nắm giữ. Thời điểm cụ thể chưa được xác định nhưng hoàn toàn có thể ngay trong 2022 sau khi nâng lãi suất. Việc nâng lãi suất có thể sẽ được thực hiện ngay từ tháng 3 với tổng mức tăng cho cả năm 2022 dự kiến vào khoảng 0.75%. Sau đó sẽ có khoảng 3 lần nâng trong 2023 và 2 lần nâng nữa trong các năm tiếp theo.

Đồng thời, số liệu báo cáo việc làm của Mỹ trong tháng 12 cũng có tác động tiêu cực khi cho thấy số lượng công việc mới chỉ tăng 199,000 ít hơn dự báo của Dow Jones ở mức 422,000..

### VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

### Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 2.0%, mở cửa tuần cao hơn tham chiếu và gần như là mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Thị trường có diễn biến gần như hoàn toàn tương đồng với tuần trước đó khi tăng tích cực trong hai ngày đầu tuần, và đi ngang trong ba ngày còn lại. Diễn biến tăng trong hai ngày đầu đi cùng với sự đồng thuận của nhóm vốn hóa lớn và vừa, trong khi nhóm vốn hóa nhỏ chậm hơn, và qua đó khối lượng giao dịch cũng không thực sự nổi bật. Trong khi ở ba ngày sau thì nhóm vốn hóa nhỏ là nhóm tăng mạnh nhất, nhóm vốn hóa vừa vẫn tăng nhưng có phần chậm lại, còn nhóm vốn hóa lớn thì suy yếu, và dễ hiểu khi khối lượng giao dịch toàn thị trường tăng lên nhờ các cổ phiếu vốn hóa nhỏ sôi động.

Cho đến lúc này thì xu hướng tăng của các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ đã kéo dài được khoảng nửa năm, và dù dòng tiền vẫn đang cho thấy một sự hưng phấn nhất định đối với hai nhóm này thì hiện tại phần rủi ro có lẽ cao hơn là cơ hội.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,480 – 1,490
Kháng cự	1,560 – 1,570

**THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG**
**1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

**Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	45.5%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

**Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

**Các trạng thái đã cắt lỗ**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

**2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA**

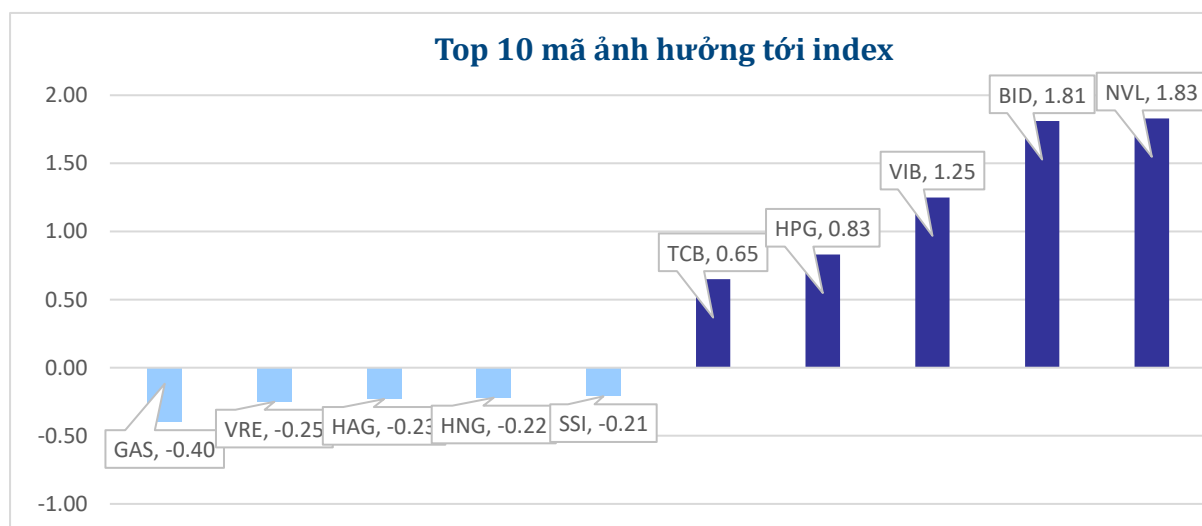
**BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN**

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,528.48	-0.01%	-0.09	1,027.12	31,899.8	211	32	247
Vn30 - Index	1,532.24	-0.82%	-12.71	215.83	9,898.9	8	1	21
Vn - Mid	2,317.19	0.76%	17.37	340.50	12,117.9	34	2	34
VN - Small	2,283.06	1.55%	34.87	266.00	5,729.6	102	15	75
HNX - Index	493.84	1.85%	8.95	143.90	4,072.7	156	51	131
Upcom - Index	115.37	0.86%	0.98	145.51	2,127.3	282	85	158

**THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN**

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	31,899.80	-9.87%	1,027.12	-9.40%
HNX	4,072.70	1.30%	143.90	0.13%

**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN**

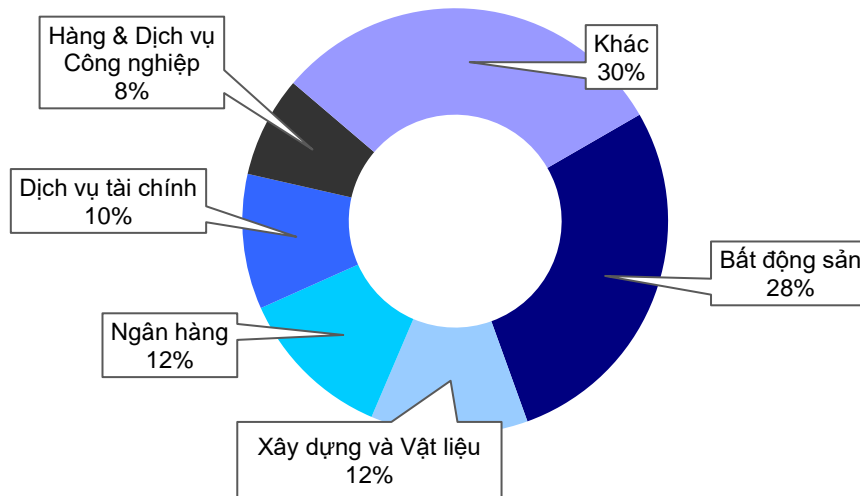


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
POW	32.88	GEX	1,411.3	IPA	358%	IDC	9.9%	KHP	-6.8%
FLC	31.70	STB	910.1	QCG	321%	IPA	7.4%	DCM	-4.6%
HAG	31.56	HPG	749.4	HAH	276%	CEO	7.1%	DPM	-4.0%
ROS	29.84	SSI	722.0	BCG	265%	DIG	6.9%	SSB	-3.4%
HQC	29.38	VHM	703.9	DCM	226%	LCG	6.9%	CTG	-2.4%

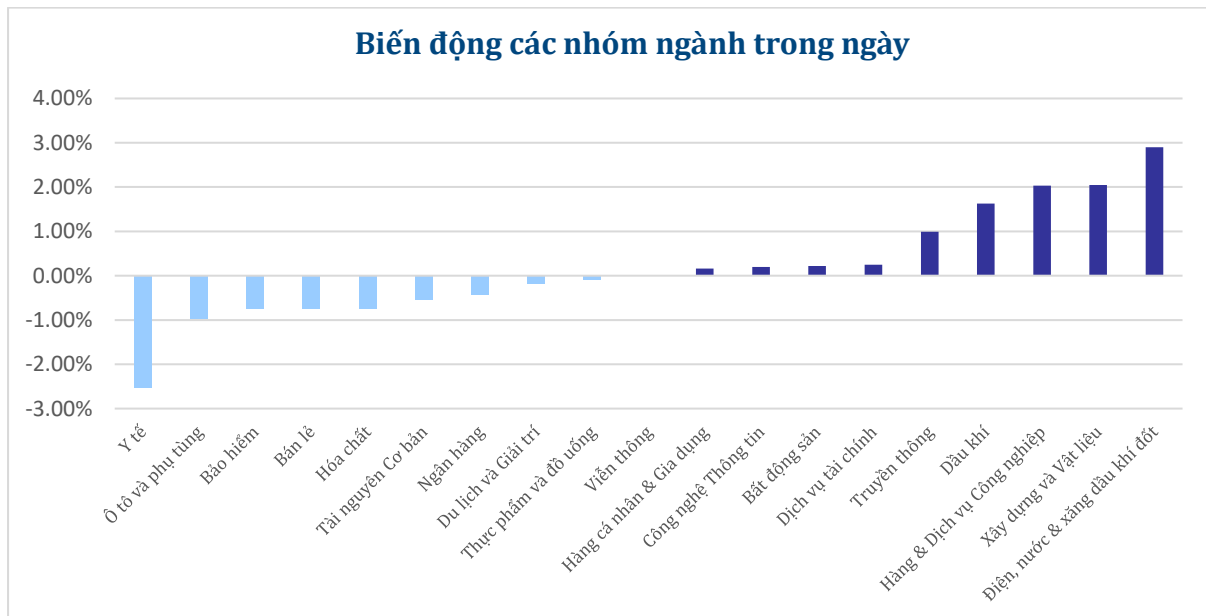


**NHÓM NGÀNH**

**Thanh khoản ngành trong ngày**



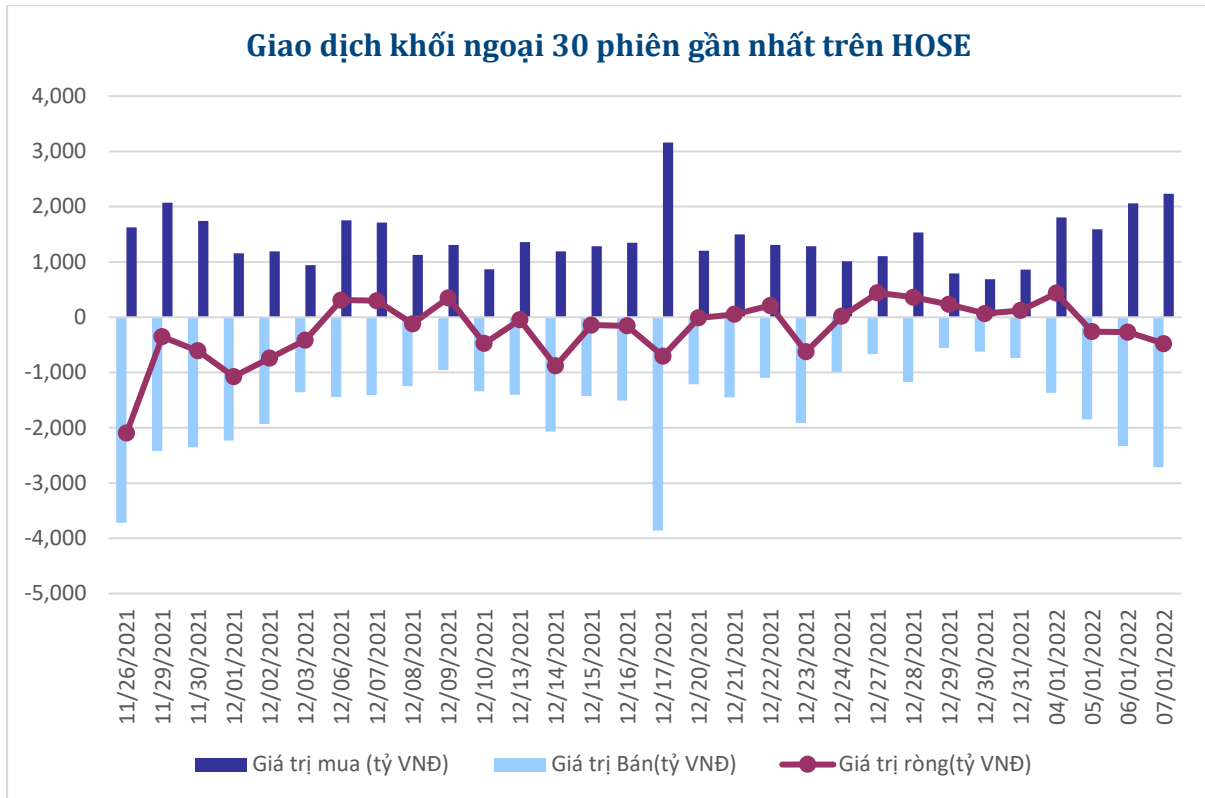
**Biến động các nhóm ngành trong ngày**



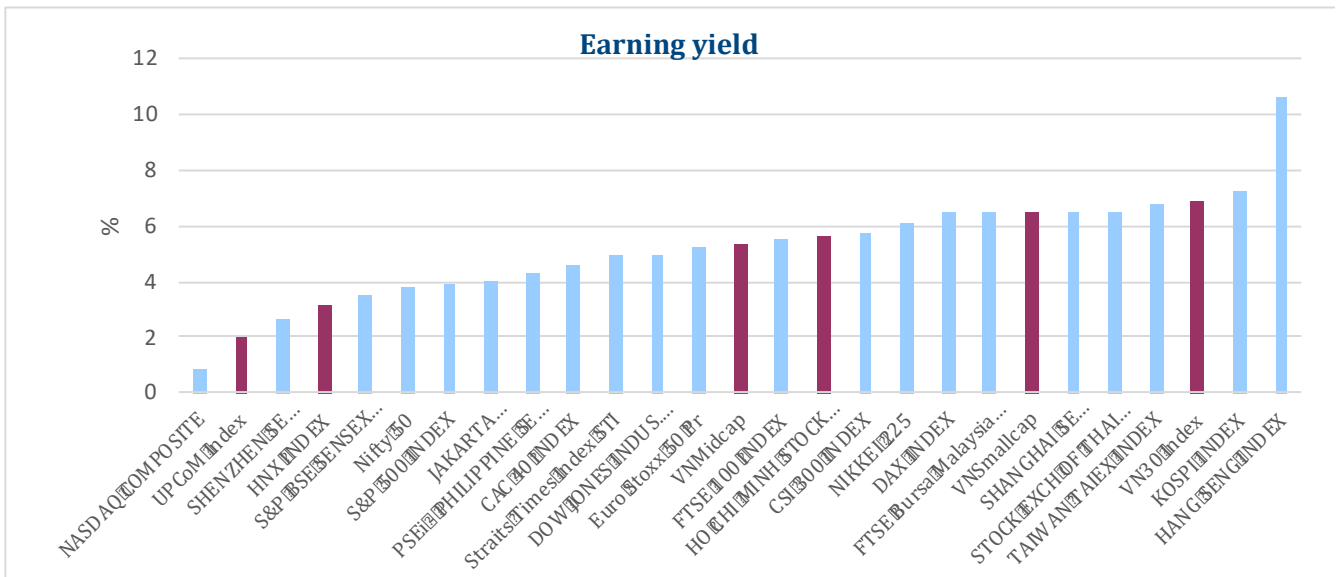
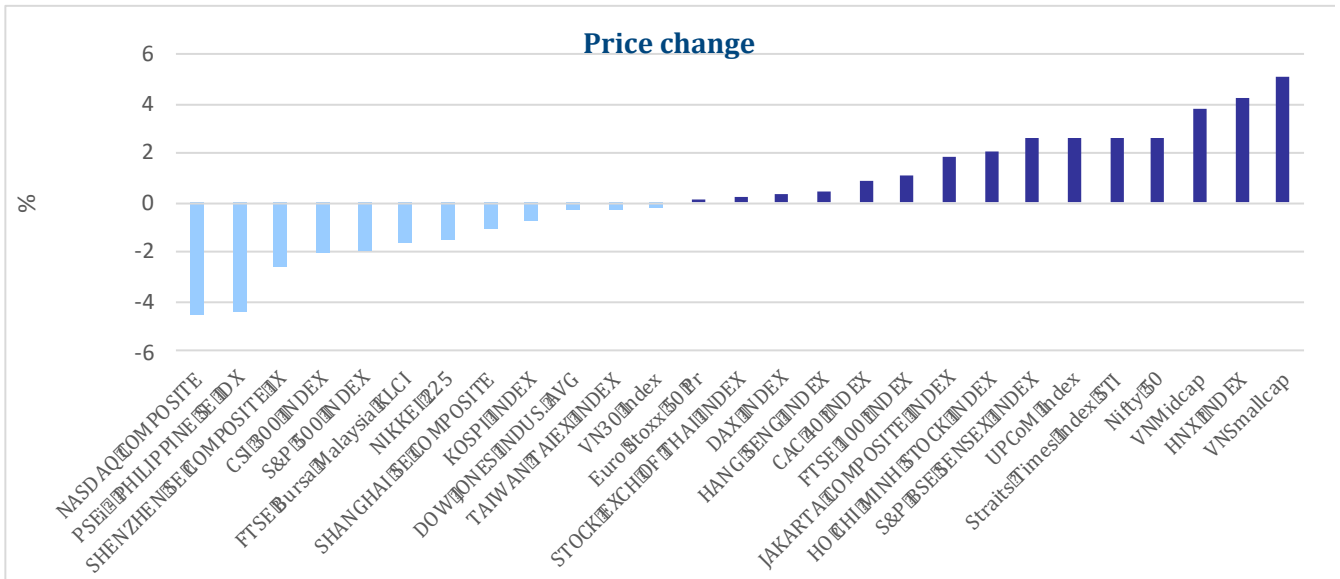
**GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI**

Trên HOSE bán ròng 477.06 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 66.7 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VHM	140.86	VRE	266.61
KBC	67.71	VIC	160.42
HPG	57.04	VNM	125.61
GAS	44.24	NVL	122.00
VCG	43.71	HSG	82.00



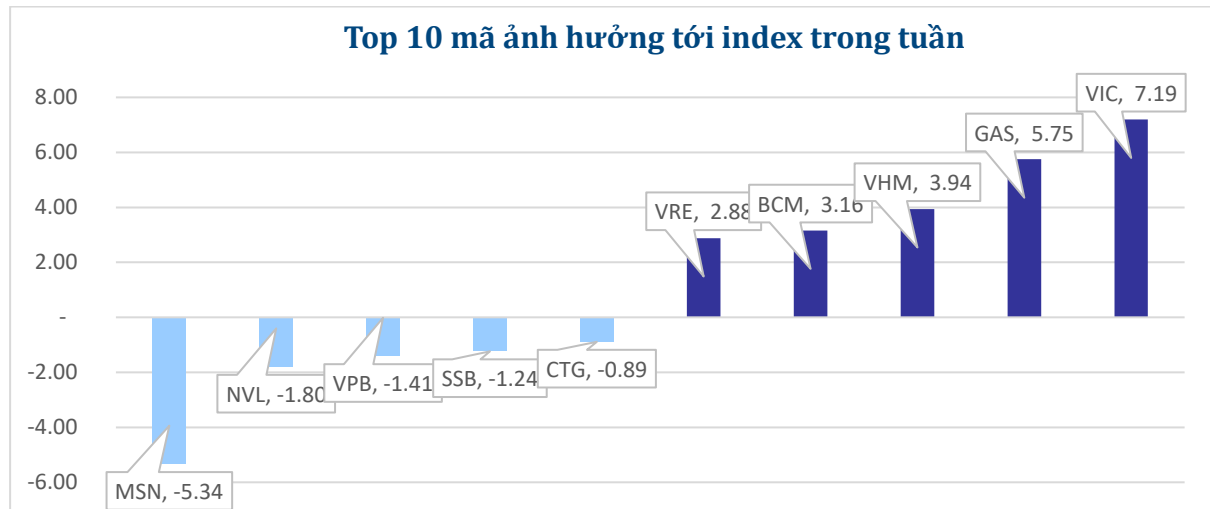
**BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN**



**ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)**

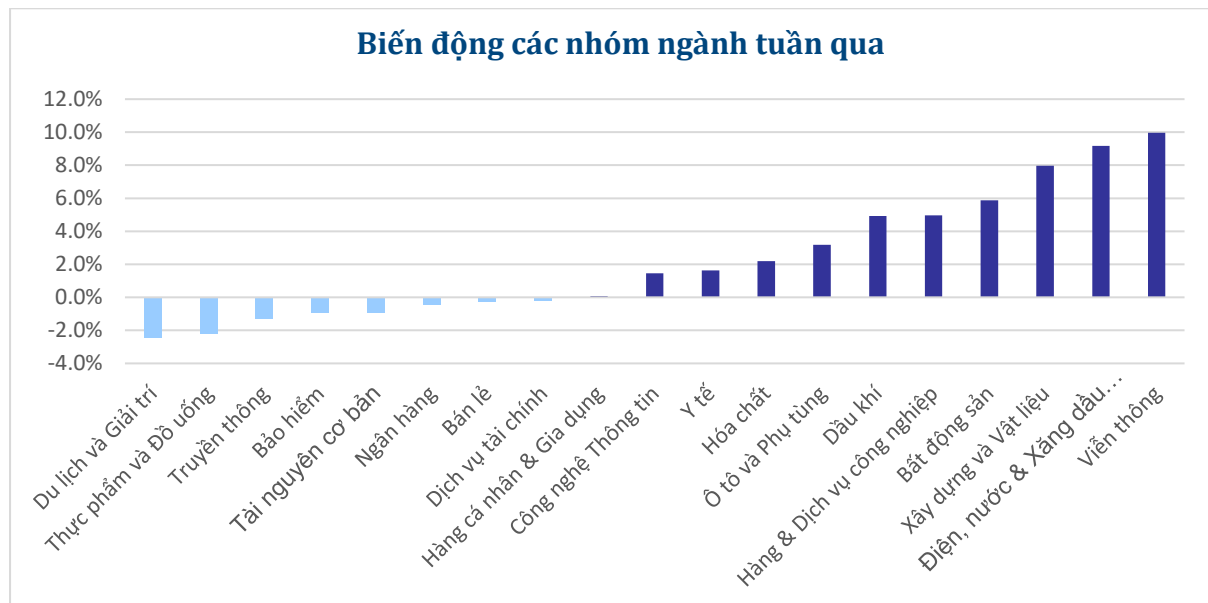


**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA**

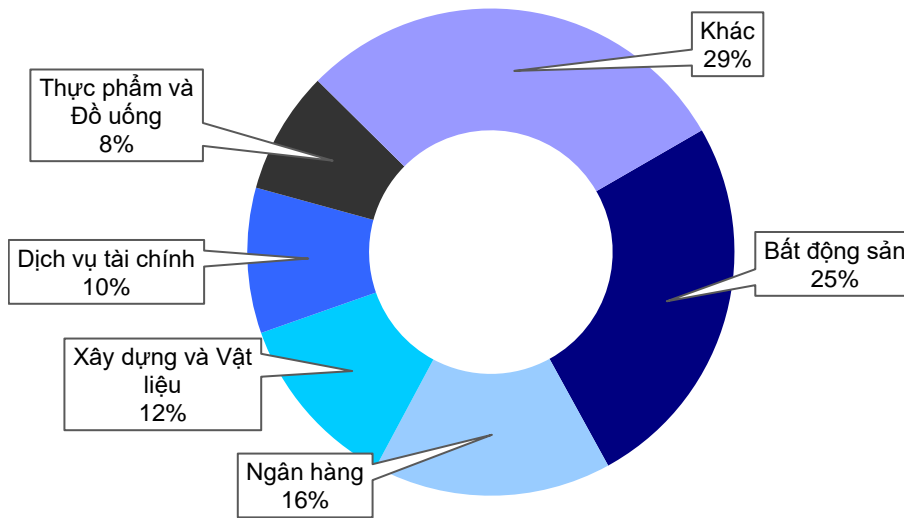


Top KLGD (triệu cp/phiên)	Top GTGD (tỷ đồng/phiên)	Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần	Top tăng điểm với thanh khoản cao	Top giảm điểm với thanh khoản cao
<b>STB</b> 34.1	<b>GEX</b> 1,438.2	<b>MKP</b> 9.56x	<b>L14</b> 42.8%	<b>LCM</b> -19.8%
<b>ROS</b> 34.1	<b>STB</b> 1,111.4	<b>PTC</b> 6.85x	<b>MKP</b> 40.4%	<b>FRT</b> -11.4%
<b>FLC</b> 33.2	<b>HPG</b> 842.8	<b>THI</b> 6.65x	<b>VHG</b> 31.0%	<b>API</b> -10.4%
<b>GEX</b> 31.7	<b>SSI</b> 778.9	<b>DTE</b> 6.18x	<b>ACC</b> 30.6%	<b>MSN</b> -9.9%
<b>HAG</b> 30.5	<b>VHM</b> 771.9	<b>DVG</b> 3.85x	<b>CEO</b> 30.5%	<b>YEG</b> -7.3%

**NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN**



**Đóng góp thanh khoản trong tuần**

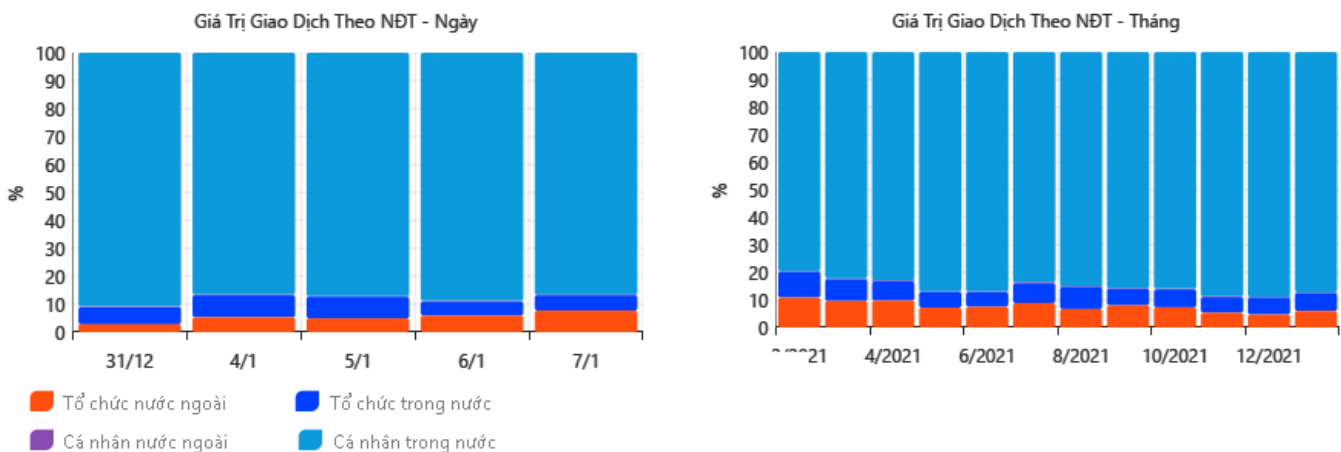


**ĐÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG**

**GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ**

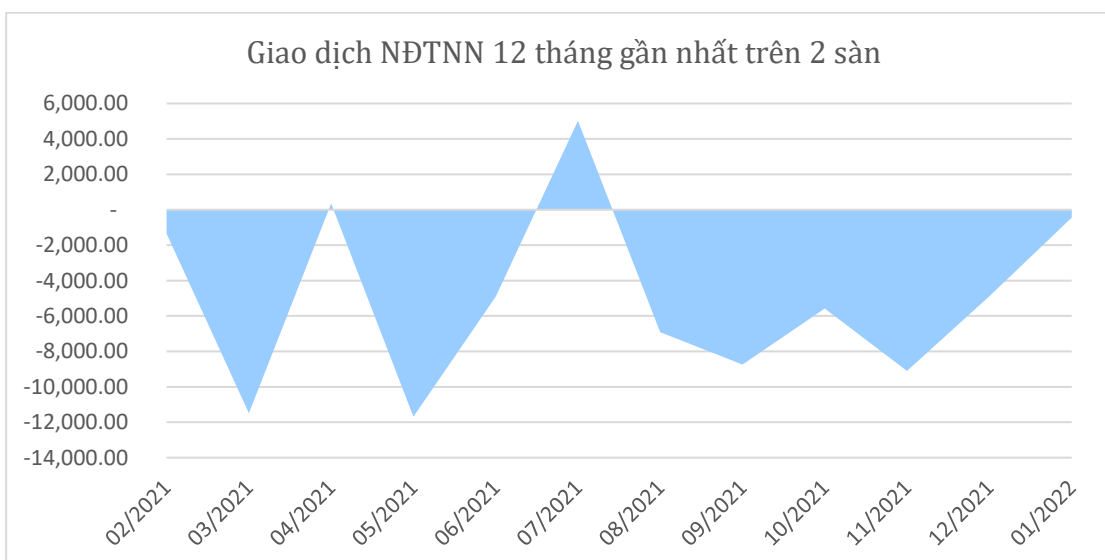
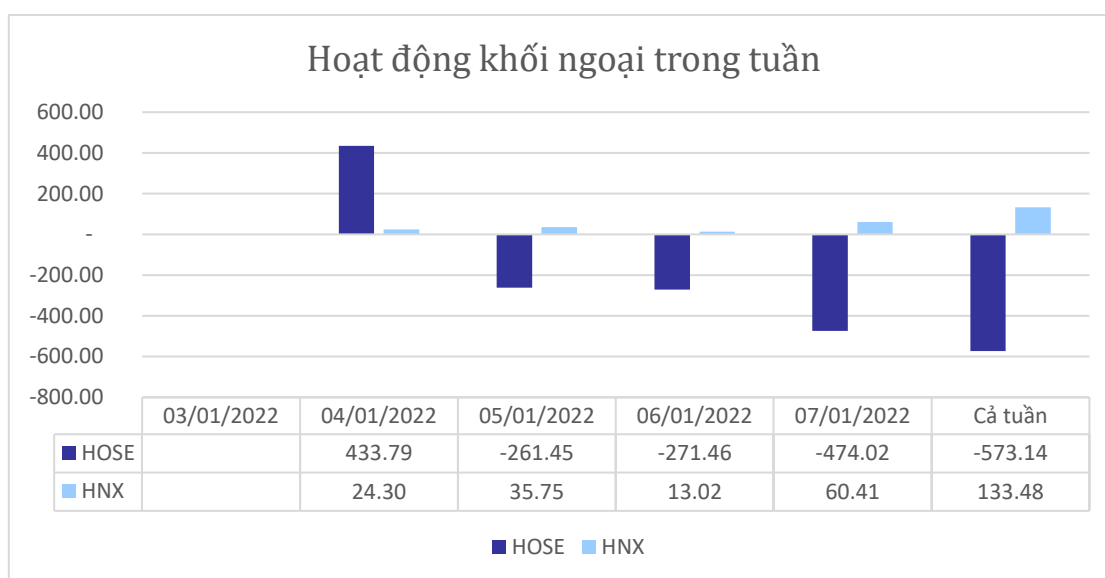
Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
GEX	20.54%	11,425.5	MWG	-0.29%	2,871.8
STB	1.43%	8,049.3	GAB	-0.20%	2,184.3
SSI	-0.39%	6,010.1	VHM	4.15%	1,664.5
HPG	-1.29%	5,539.3	HPG	-1.29%	1,558.9
FLC	25.28%	5,134.6	VIC	7.47%	1,206.2

**Tỷ trọng giao dịch**



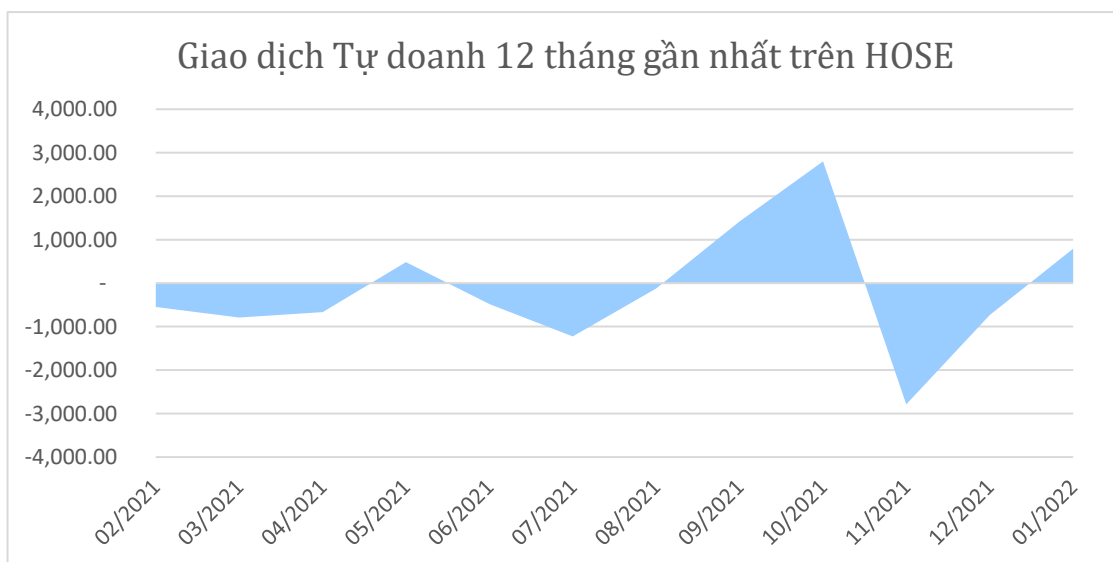
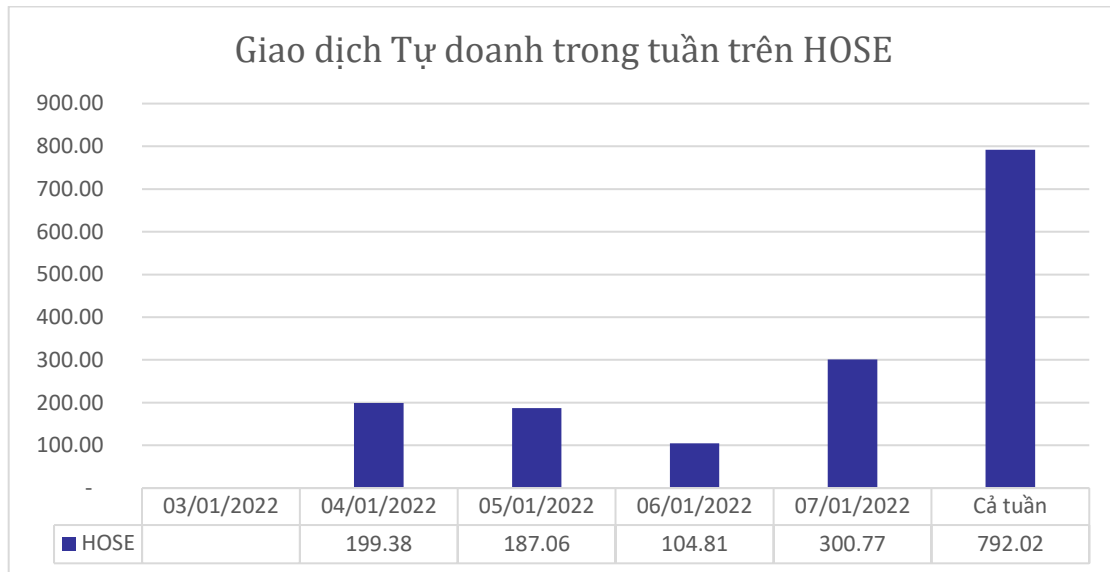
**KHỐI NGOẠI**

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VHM	4.15%	594.79	MSN	-9.94%	395.15
GAS	11.75%	129.88	CII	24.78%	391.64
KBC	1.97%	120.42	VNM	-1.39%	348.11
CTG	-2.06%	105.20	NVL	-5.05%	246.49
HPG	-1.29%	97.39	VRE	15.45%	186.70



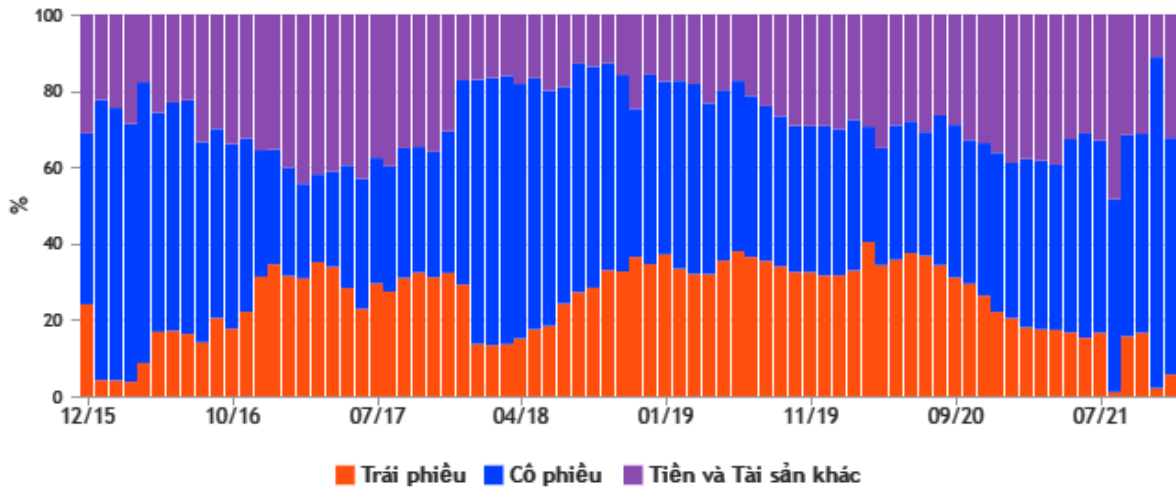
**HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH TRÊN HOSE CỦA CÁC CTCK**

Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
TCB	-1.10%	153.85	FPT	0.43%	51.73
VPB	-3.35%	113.26	PHC	6.67%	29.68
HPG	-1.29%	97.75	KDH	10.98%	25.16
DXG	12.00%	73.56	FUESSVFL	-3.47%	25.14
NBB	17.00%	72.01	VCG	8.12%	22.53

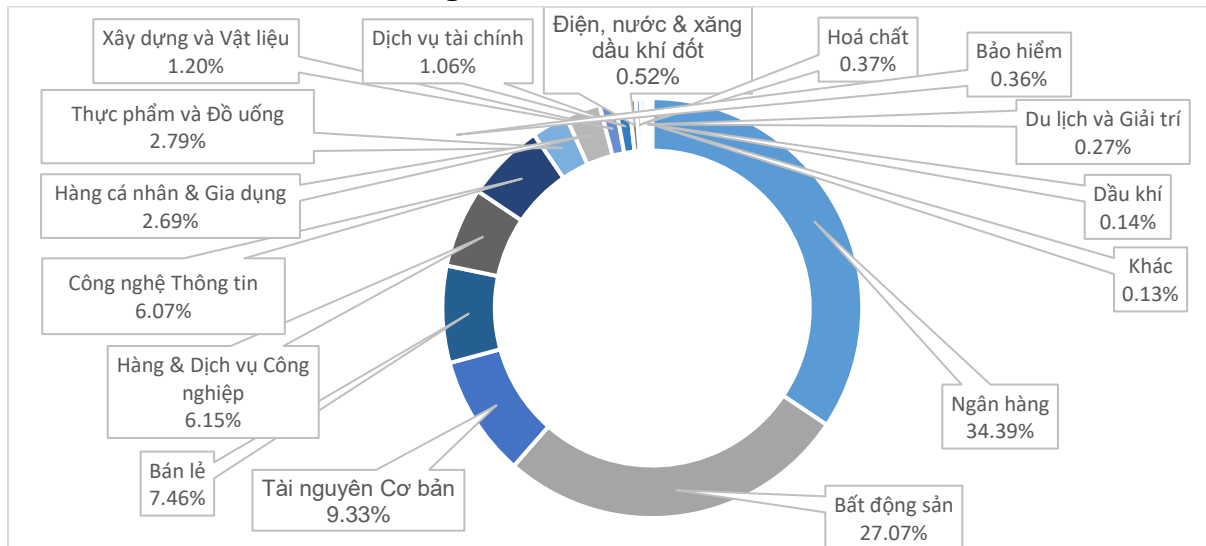


**TỔ CHỨC (40 quỹ do finrpo platform theo dõi)**

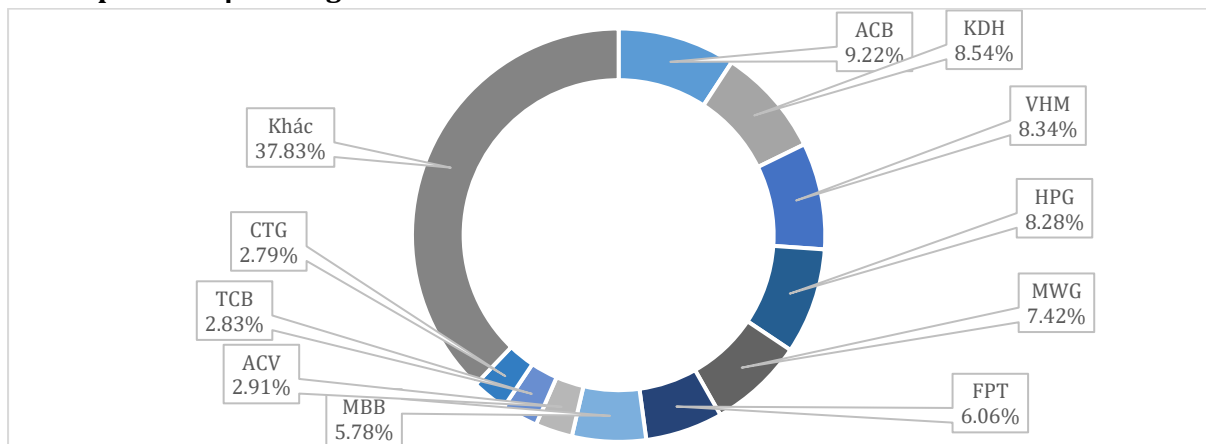
**Phân bố tài sản**



**Phân bố các khoản đầu tư theo ngành**



**Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất**





**LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI**

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
HTN	HSX	Giao dịch 39.607.210 cp niêm yết bổ sung		30/12/21	10/01/22
TOT	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	10/01/22	10/01/22	10/01/22
BIG	Upcom	Giao dịch 5.000.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	10/01/22	10/01/22	10/01/22
GDT	HSX	Nhận cp phát hành do thực hiện tăng vốn cp từ nguồn vốn CSH (tỷ lệ 100:10)	10/01/22	11/01/22	10/01/22
DHA	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (3.000 đ/cp)	10/01/22	11/01/22	21/01/22
TVC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/01/22	11/01/22	10/01/22
TVB	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	10/01/22	11/01/22	18/02/22
HNP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	10/01/22	11/01/22	24/01/22
KHP	HSX	Niêm yết bổ sung 1.400.426 cp		10/01/22	10/01/22
PHC	HSX	Giao dịch 22.8740130 cp niêm yết bổ sung			10/01/22
ODE	Upcom	Giao dịch 10.000.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	10/01/22	10/01/22	10/01/22
BUD	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	10/01/22	11/01/22	20/01/22
VNM	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2021 (1.400 đ/cp)	10/01/22	11/01/22	25/02/22
DHT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	11/01/22	12/01/22	20/01/22
MIE	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3,96đồng/cp)	11/01/22	12/01/22	16/02/22
NAG	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/01/22	12/01/22	11/01/22
SHB	HSX	Giao dịch 202.166.220 cp niêm yết bổ sung			11/01/22
VNF	HNX	Giao dịch đầu tiên 1.256.451 cổ phiếu niêm yết bổ sung			12/01/22
BNA	HNX	Giao dịch đầu tiên 8.000.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung			12/01/22
BDT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2022	12/01/22	13/01/22	12/01/22
MWG	HSX	Giao dịch 12.914.240 cp niêm yết bổ sung (chia 4 đợt)			12/01/22
CVN	HNX	Giao dịch đầu tiên 8.250.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung			12/01/22
HAM	Upcom	Giao dịch 3.112.662 cổ phiếu niêm yết bổ sung	12/01/22	12/01/22	12/01/22
EVF	Upcom	Giao dịch 304.707.628 cp niêm yết bổ sung		21/12/21	12/01/22
ABI	Upcom	Giao dịch 5.157.815 cổ phiếu niêm yết bổ sung	13/01/22	13/01/22	13/01/22
TPB	HSX	Giao dịch 410.083.773 cp niêm yết bổ sung			13/01/22
PDR	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	13/01/22	14/01/22	13/01/22
DZM	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	13/01/22	14/01/22	13/01/22
HMR	HNX	Giao dịch đầu tiên 5.612.444 cổ phiếu niêm yết			13/01/22
C32	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (1.200 đ/cp)	13/01/22	14/01/22	26/01/22
BSP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	13/01/22	14/01/22	27/01/22
CEE	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	13/01/22	14/01/22	13/01/22
TNG	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400 đ/cp)	13/01/22	14/01/22	24/01/22
FCM	HSX	Giao dịch 4.099.969 cp niêm yết bổ sung		04/01/22	13/01/22
VTD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/01/22	14/01/22	13/01/22
C47	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	14/01/22	17/01/22	14/01/22
AME	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/01/22	17/01/22	14/01/22
BMP	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (1.250 đ/cp)	14/01/22	17/01/22	14/01/22
PTC	HSX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/01/22	17/01/22	14/01/22
NGC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 01 năm 2022	14/01/22	17/01/22	14/01/22

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
<b>EIC</b>	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	14/01/22	17/01/22	27/01/22
<b>ASM</b>	HSX	Chi trả cổ tức năm 2019 và năm 2020 (tỷ lệ 100:30)	14/01/22	17/01/22	14/01/22



**XẾP HẠNG CỔ PHIẾU**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

**XẾP HẠNG NGÀNH**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Xếp loại</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

**KHUYẾN CÁO**

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. IVS Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. IVS và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. IVS không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của IVS tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của IVS. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

**IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
<b>Võ Thế Vinh</b>	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	<a href="mailto:vinhvt@gtjas.com.vn">vinhvt@gtjas.com.vn</a>	704
<b>Đỗ Trung Nguyên</b>	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	<a href="mailto:nguyendt@gtjas.com.vn">nguyendt@gtjas.com.vn</a>	703
<b>Trần Thị Hồng Nhung</b>	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	<a href="mailto:nhungtth@gtjas.com.vn">nhungtth@gtjas.com.vn</a>	706
<b>Đinh Quang Đạt</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	<a href="mailto:datdq@gtjas.com.vn">datdq@gtjas.com.vn</a>	
<b>Phí Công Linh</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	<a href="mailto:linhpc@gtjas.com.vn">linhpc@gtjas.com.vn</a>	709
<b>Trần Thị Diệu Khánh</b>	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	<a href="mailto:khanhttd@gtjas.com.vn">khanhttd@gtjas.com.vn</a>	

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: <a href="mailto:ivs@ivs.com.vn">ivs@ivs.com.vn</a> Website: <a href="http://www.ivs.com.vn">www.ivs.com.vn</a>	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696